TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2025/DS-PT
Ngày 19 – 8 – 2025
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quốc Hà, ông Nguyễn Duy Thuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2025/TLPT-DS ngày 04/6/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2025/QĐ-PT ngày 10/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2025/QĐ-PT ngày 28/7/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện E (N là Buôn E, xã E), tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện E (Nay là thôn G, xã E), tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện E (N là Thôn F, xã E), tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 2002; có mặt

Địa chỉ: Số A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1975; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Duy L1 (tên thường gọi là T1), sinh năm 1992; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện E (N là Buôn E, xã E), tỉnh Đắk Lắk

*** Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982; có mặt

Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện E (N là Thôn F, xã E), tỉnh Đắk Lắk.

* Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị X

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L và đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Thanh H trình bày:***

Vào tháng 10 năm 2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh L có cho bà Nguyễn Thị X vay tiền nhiều lần. Việc vay tiền được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản, giữa số tài khoản "050103125704" mang tên "Nguyễn Thị Thanh L", mở tại Ngân hàng TMCP S (S1), với số tài khoản "050040562955" mang tên "Nguyễn Thị X", mở tại Ngân hàng TMCP S (S1). Cụ thể, bà L chuyển tiền cho bà X vay vào các lần như sau:

- Ngày 05/10/2023: Chuyển tiền 3 lần, số tiền chuyển lần lượt là 56.000.000 đồng, 9.000.000 đồng, 10.000.000 đồng. Tổng là 75.000.000 đồng;
- Ngày 06/10/2023: Chuyển tiền 2 lần, số tiền chuyển lần lượt là 83.000.000 đồng, 10.000.000 đồng. Tổng là 93.000.000 đồng;
- Ngày 07/10/2023: Chuyển số tiền 74.000.000 đồng;
- Ngày 08/10/2023: Chuyển số tiền 30.000.000 đồng;
- Ngày 09/10/2023: Chuyển số tiền 30.000.000 đồng;

Sau đó, bà X có chuyển tiền trả lại bà L 2 lần, cụ thể:

- Ngày 10/10/2023: Chuyển trả số tiền 70.000.000 đồng;
- Ngày 11/10/2023: Chuyển trả số tiền 47.500.000 đồng;

Tiếp đó vài ngày, bà X lại hỏi vay bà L và bà L tiếp tục chuyển tiền cho bà X, cụ thể:

- Ngày 13/10/2023: Chuyển số tiền 48.000.000 đồng;
- Ngày 14/10/2023: Chuyển số tiền 88.000.000 đồng;
- Ngày 15/10/2023: Chuyển số tiền 74.000.000 đồng;
- Ngày 16/10/2023: Chuyển số tiền 99.000.000 đồng.

Đến ngày 21/10/2023, bà X chuyển trả lại cho bà L số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ đó, hai bên không còn thực hiện giao dịch chuyển tiền qua lại nữa. Do bà X vay tiền trong những lúc cần thiết để làm gì thì bà L không biết, nên giữa hai bên không lập hợp đồng vay mà chỉ trao đổi, thoả thuận bằng miệng. Theo đó, bà X hẹn đến cuối tháng 10/2023 sẽ trả cho bà L toàn bộ số tiền vay và tiền lãi suất tương ứng, tính lãi suất bằng với mức lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền, khi bà L hỏi thì bà X khất nợ, bà cho rằng vì việc làm ăn gặp trục trặc nên chưa trả được cho bà L. Từ đó đến nay, bà L nhiều lần yêu cầu thanh toán số nợ nhưng bà X cứ khất lần, hứa hẹn và cố tình chây ỳ, không

trả nợ cho bà L như đã thỏa thuận. Gần đây, khi bà L tiếp tục yêu cầu bà X thanh toán số nợ cho bà L thì bà còn lên giọng thách thức bà L.

Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị X trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 473.500.000 đồng còn nợ, đồng thời buộc bà X phải chịu tiền lãi suất quá hạn tương ứng với số tiền trên kể từ ngày 01/11/2023 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà L thay đổi yêu cầu về thời hạn tính lãi suất, bà L yêu cầu tính lãi từ ngày nguyên đơn khởi kiện và được thụ lý là ngày 26/11/2024 đến ngày ngày xét xử là ngày 26/3/2025.

**** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:***

Tôi có làm rẫy gần rẫy của bà Nguyễn Thị Thanh L. Quá trình làm rẫy con bà L có nhờ tôi đổi tiền qua lại, lúc thì nói cần tiền mặt nên chuyển khoản cho tôi nhờ tôi đưa tiền mặt, lúc thì đưa tiền mặt nhờ tôi chuyển khoản. Các lần chuyển nhận qua lại nhiều lần tôi không nhớ rõ. Người trực tiếp đưa tiền hoặc chuyển khoản cho tôi là anh Nguyễn Duy L1 (tên thường gọi là T1) bằng số tài khoản mang tên Nguyễn Thị Thanh L. Số lần chuyển tiền như bà L trình bày theo đơn là có và cũng có những lần tôi chuyển tiền cho bà L như bà L trình bày như trên. Nhưng tôi không vay mượn bà L mà là con bà L sang nhờ tôi chuyển đổi tiền lúc thì từ hình thức chuyển khoản sang tiền mặt, lúc thì tiền mặt sang chuyển khoản. Số tài khoản "050040562955" mang tên "Nguyễn Thị X", mở tại Ngân hàng TMCP S (S1) là của tôi và tôi vẫn đang sử dụng số tài khoản này.

Tôi không vay mượn gì bà Nguyễn Thị Thanh L nên không đồng ý trả số tiền 473.500.000 đồng như bà L khởi kiện. Về lãi suất do tôi không vay tiền nên không có việc có lãi suất hay gì cả.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy L1 trình bày:**

Tôi là con bà Nguyễn Thị Thanh L. Gia đình tôi làm rẫy gần gia đình bà Nguyễn Thị X. Trong năm 2023 mẹ tôi có nói chuyển tiền cho bà X, chuyển để làm gì thì tôi không biết. Do mẹ tôi không sử dụng thành thạo các thao tác trên điện thoại nên nhờ tôi lấy điện thoại của mình chuyển tiền cho bà X, chuyển bằng số tài khoản của mẹ tôi "050103125704" mang tên "Nguyễn Thị Thanh L", mở tại Ngân hàng TMCP S (S1).

Khi chuyển tiền cho bà X xong tôi không hỏi lại bà X, cũng không chụp ảnh màn hình nhắn việc đã chuyển hay không mà bà X khi nhận được tiền chỉ nhắn lại tin nhắn qua zalo là "ok", có lần bà X gọi điện trực tiếp xác nhận đã nhận được tiền. Sau này khi mẹ tôi gọi đòi tiền nhiều lần bà X không trả thì bà X đã chặn zalo của tôi nên tôi không liên lạc và không xem lại được các tin nhắn qua lại cũ nữa. Số điện thoại mà tôi nhận tin nhắn zalo với bà X là số điện thoại 0359839864, tôi đang sử dụng điện thoại Iphone.

Việc tôi có chuyển khoản các lần như trong đơn khởi kiện của mẹ tôi bà L là hoàn toàn đúng, còn nội dung vay mượn như thế nào giữa mẹ tôi và bà X thì tôi không biết. Tôi chưa từng nhận tiền mặt từ bà X.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T trình bày:**

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị Thanh L, là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà Nguyễn Thị X. Việc bà L cho bà X vay tiền thì tôi có được biết và có nghe vợ tôi nói đến, tuy nhiên, các lần cho vay cụ thể như thế nào thì tôi không nắm chính xác, vì hai bên thực hiện chuyển tiền qua lại bằng số tài khoản. Về mối quan hệ của bà X với gia đình tôi thì bà X là hàng xóm, có rẫy sát cạnh rẫy nhà tôi, có mối quan hệ khá thân thiết, đặc biệt, bà X cũng rất thân và hay qua lại với con trai tôi là Nguyễn Duy L1 (tên thường gọi là T1), gia đình tôi có lòng tin rất lớn đối với bà X. Đối với yêu cầu của vợ tôi là bà L về việc yêu cầu Tòa án buộc bà X phải trả số tiền 473.500.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) thì tôi đồng ý để bà X trả cho một mình bà L, tôi không có yêu cầu gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 244 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 117; 118; 119, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh L. Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 489.220.200 đồng (Bốn trăm tám mươi chín triệu hai trăm hai mươi nghìn hai trăm đồng). Trong nợ gốc là 473.500.000 đồng và tiền lãi suất là 15.720.200 đồng

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/4/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị X giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Bà X không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm đưa ông Nguyễn Văn T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng, ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông T2 là hàng xóm của bà L và bà X, có hai lần ông T2 chứng kiến bà X đếm tiền mặt và đưa cho anh L1 là con trai bà L nhưng không biết đó là tiền gì, ông cũng không hỏi, không biết nội dung giao dịch giữa anh L1 và bà X. Trong một lần ông T2 đến nhà bà X chơi thì có anh L1 đang ngồi chơi ở đó, ông T2 nghe chồng bà X nói anh L1 đến để vay tiền. Ông T2 không biết, cũng không chứng kiến việc bà L chuyển tiền cho bà X.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Minh N trình bày:

Bị đơn bà Nguyễn Thị X không có nghĩa vụ phải chứng minh các lần chuyển tiền của bà L. Nguyên đơn bà L không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh bà X vay tiền của bà L. Nguyên đơn căn cứ vào việc chuyển khoản giữa hai bên, sau đó sao kê tại ngân hàng và cho rằng đó là tiền vay là không có căn cứ. Việc chuyển khoản này rất bình thường trong cuộc sống hàng ngày trong giai đoạn hiện nay, trong đó có việc cho vay tiền. Bà L chuyển tiền cho bà X không ghi nội dung chuyển khoản nên không có căn cứ khẳng định đó là tiền vay. Nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh bằng chứng cứ cụ thể chứ không thể trình bày bằng miệng. Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyên tắc người khởi kiện phải có nghĩa vụ chứng minh, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định, đã đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong tháng 10 năm 2023, nguyên đơn bà L có chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị X nhiều lần với tổng số tiền 611.000.000 đồng. Sau đó, bà X có chuyển khoản cho bà L 03 lần với tổng số tiền 137.500.000 đồng, còn lại số tiền 473.500.000 đồng. Nguyên đơn bà L cho rằng số tiền chuyển khoản trên là số tiền bà X vay của bà L. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà X thừa nhận có nhận tiền chuyển khoản của bà L như bà L trình bày, tuy nhiên bà X không thừa nhận là có vay tiền của bà L, mà đây là việc bà X đổi tiền cho bà L từ tiền trong tài khoản sang tiền mặt, người đứng ra giao dịch với bà X là anh L1 (con trai của bà L). Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất giữa các đương sự thì anh L1 không thừa nhận có nhận tiền từ bà X, bà X cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đây là quan hệ

đổi tiền chứ không phải là quan hệ vay tiền. Như vậy, có căn cứ để xác định số tiền 611.000.000 đồng mà bà L chuyển khoản cho bà X là số tiền vay, còn số tiền 137.500.000 đồng bà X chuyển khoản cho bà L là tiền bà X trả cho khoản vay của bà L trước đó, còn nợ lại số tiền 473.500.000 đồng. Đến nay bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà X có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 473.500.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Hợp đồng vay không có thỏa thuận về lãi suất nên cần áp dụng khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015tính lãi suất từ ngày nguyên đơn khởi kiện 26/11/2024 đến ngày ngày xét xử sơ thẩm 26/3/2025 là 04 tháng, thành tiền : 473.500.000 đồng x 0,83% x 04 tháng = 15.720.200 đồng.

Tại cấp phúc thẩm bà X không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà X phải trả cho bà L tổng cộng là 489.220.200 đồng, trong đó nợ gốc là 473.500.000 đồng và tiền lãi suất là 15.720.200 đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên; Hội đồng xét xử, xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị X: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân nhân khu vực 9 - Đắk Lắk).

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2023/0002719 ngày 10/11/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ 2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 9 - Đắk Lắk;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 9;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

Nguyễn Thị My My